

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ và các nhiệm vụ chi có tính đặc thù phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 83/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Xét Tờ trình số 718/TTr-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ và các nhiệm vụ chi có tính đặc thù phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ và các nhiệm vụ chi có tính đặc thù phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ và các nhiệm vụ chi có tính đặc thù phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Điều khoản thi hành

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân,

Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

6. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 12 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa X, Kỳ họp chuyên đề lần thứ Tư thông qua ngày 22 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin điều hành;
- Trang TTĐT Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Dũng



QUY ĐỊNH

Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ và các nhiệm vụ chi có tính đặc thù phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 46/2025/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ và các nhiệm vụ chi có tính đặc thù phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

Điều 2. Mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ đối với các hoạt động cấp tỉnh

1. Chi tổ chức hội nghị

a) Chi tổ chức hội nghị: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

b) Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử, tùy theo địa bàn cụ thể để áp dụng: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Nghị quyết số 79/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định nội dung, mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Nghị quyết số 157/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Vĩnh Long quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2023.

2. Chi bồi dưỡng các cuộc họp

a) Các cuộc họp của Ủy ban bầu cử tỉnh, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

- Chủ trì cuộc họp: 500.000 đồng/người/buổi.
- Thành viên tham dự: 200.000 đồng/người/buổi.
- Các đối tượng phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử

- Chủ trì cuộc họp: 300.000 đồng/người/buổi.
- Thành viên tham dự: 200.000 đồng/người/buổi.
- Các đối tượng phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi.

3. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ủy ban bầu cử tỉnh, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Ngoài thanh toán chế độ công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

a) Trưởng đoàn giám sát: 300.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 200.000 đồng/người/buổi.

c) Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát

- Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát: 150.000 đồng/người/buổi.
- Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo): 100.000 đồng/người/buổi.

d) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát

- Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử: 5.000.000 đồng/báo cáo.

- Chính lý, hoàn chỉnh báo cáo: 1.000.000 đồng/báo cáo.

4. Chi xây dựng văn bản

a) Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật và các văn bản hướng dẫn thực hiện của cơ quan có chức năng.

b) Chi xây dựng văn bản ngoài quy định tại điểm a khoản này liên quan đến công tác bầu cử có phạm vi toàn tỉnh do Ủy ban bầu cử tỉnh, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh ban hành (nghị quyết, kế hoạch, chỉ thị, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả tỉnh; các văn bản hướng dẫn cho một phường/xã nhưng được gửi đến tất cả các phường/xã để cùng áp dụng):

- Xây dựng nghị quyết, kế hoạch, chỉ thị, văn bản chỉ đạo, văn bản hướng dẫn, báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết; biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả tỉnh: 3.000.000 đồng/văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).

- Biên bản cuộc họp: 200.000 đồng/văn bản.

- Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: Mức chi 200.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến không vượt 1.000.000 đồng/văn bản.

5. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử

a) Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:

- Chủ tịch, các Phó chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh: 3.300.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên Ủy ban bầu cử tỉnh còn lại: 3.000.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên các Tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử tỉnh: 2.700.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên Ban bầu cử đại biểu Quốc hội: 3.000.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: 3.000.000 đồng/người/tháng.

- Thời gian được hưởng chế độ bồi dưỡng từ ngày có quyết định thành lập Ủy ban bầu cử tỉnh, Tiểu ban giúp việc, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, văn bản cử phục vụ công tác bầu cử đến khi kết thúc nhiệm vụ (trường hợp có số ngày của tháng thực hiện nhiệm vụ từ 15 ngày trở lên thì tính một tháng, dưới 15 ngày thì được tính là ½ tháng). Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Bồi dưỡng các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, các Tổ giúp việc của Tiểu ban Ủy ban bầu cử): 200.000 đồng/người/ngày.

Thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày tính theo ngày thực hiện nhiệm vụ thực tế (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử).

Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu

cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức 3.000.000 đồng/tháng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Trong 02 ngày bầu cử (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Chi bồi dưỡng 300.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử

a) Chủ tịch, các Phó chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh, Trưởng các Tiểu ban: 500.000 đồng/người/tháng.

b) Thành viên Ủy ban bầu cử tỉnh; Phó Trưởng các Tiểu ban và Thành viên các Tiểu ban Ủy ban bầu cử tỉnh: 350.000 đồng/người/tháng.

c) Thành viên Tổ giúp việc (Tổ công tác) của các Tiểu ban Ủy ban bầu cử tỉnh: 350.000 đồng/người/tháng.

d) Ngoài các đối tượng nêu trên, trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh quyết định danh sách cán bộ tham gia phục vụ công tác bầu cử được chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động: 200.000 đồng/người/tháng.

đ) Thời gian khoán hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử từ thời điểm có văn bản của cấp có thẩm quyền thành lập các tổ chức bầu cử tại địa phương có hiệu lực thi hành đến khi kết thúc nhiệm vụ theo quy định pháp luật (trường hợp có số ngày của tháng thực hiện nhiệm vụ từ 15 ngày trở lên thì tính một tháng, dưới 15 ngày thì được tính là $\frac{1}{2}$ tháng). Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cao nhất.

7. Khoán chi hỗ trợ cho các ứng cử viên

a) Đối với ứng cử viên đại biểu Quốc hội ở địa phương

- Khoán chi hỗ trợ cho người ứng cử đại biểu Quốc hội ở địa phương thực hiện lấy ý kiến nơi cư trú: 1.000.000 đồng/điểm (nhằm trang trải chi phí cần thiết như: trang trí, thuê địa điểm, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác). Trường hợp nhiều người ứng cử cùng một điểm mức hỗ trợ tối đa 1.000.000 đồng/điểm. Danh sách điểm lấy ý kiến nơi cư trú thực hiện theo kế hoạch.

- Khoán chi hỗ trợ cho người ứng cử đại biểu Quốc hội ở địa phương thực hiện tiếp xúc cử tri ở địa bàn được giới thiệu ứng cử: 5.000.000 đồng/điểm (nhằm trang trải chi phí cần thiết như: trang trí, thuê địa điểm, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác). Trường hợp nhiều người ứng cử cùng một điểm mức hỗ trợ tối đa 5.000.000 đồng/điểm. Danh sách điểm tiếp xúc cử tri thực hiện theo kế hoạch tiếp xúc cử tri của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

b) Đối với ứng cử viên đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

- Khoán chi hỗ trợ cho người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

thực hiện lấy ý kiến nơi cư trú: 1.000.000 đồng/điểm (nhằm trang trải chi phí cần thiết như: trang trí, thuê địa điểm, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác). Trường hợp nhiều người ứng cử cùng một điểm mức hỗ trợ tối đa 1.000.000 đồng/điểm. Danh sách điểm lấy ý kiến nơi cư trú thực hiện theo kế hoạch.

- Khoản chi hỗ trợ cho người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện tiếp xúc cử tri ở địa bàn được giới thiệu ứng cử: 5.000.000 đồng/điểm (nhằm trang trải chi phí cần thiết như: trang trí, thuê địa điểm, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác). Trường hợp nhiều người ứng cử cùng một điểm mức hỗ trợ tối đa 5.000.000 đồng/điểm. Danh sách điểm tiếp xúc cử tri thực hiện theo kế hoạch tiếp xúc cử tri của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

c) Trường hợp ứng cử viên đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã lấy ý kiến nơi cư trú (ứng cử viên nhiều cấp cùng lấy ý kiến nơi cư trú) ở cùng một điểm mức hỗ trợ tối đa 1.000.000 đồng/điểm do cấp tỉnh chi. Danh sách điểm lấy ý kiến nơi cư trú thực hiện theo kế hoạch.

Trường hợp ứng cử viên đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã tiếp xúc cử tri (ứng cử viên nhiều cấp cùng tiếp xúc cử tri) ở cùng một địa bàn được giới thiệu ứng cử thì sẽ áp dụng mức hỗ trợ tối đa 5.000.000 đồng/điểm do cấp tỉnh chi. Danh sách điểm tiếp xúc cử tri thực hiện theo kế hoạch tiếp xúc cử tri của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

d) Tiền ăn ứng cử viên tiếp xúc cử tri: 200.000 đồng/người/buổi.

8. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử (thanh toán theo thực tế thực hiện nhiệm vụ)

a) Người được giao trực tiếp công dân: 150.000 đồng/người/buổi.

b) Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi.

9. Chi đóng hòm phiếu: Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi 500.000 đồng/hòm phiếu.

10. Chi khắc dấu: Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 400.000 đồng/dấu (mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí).

11. Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử: Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi 1.500.000 đồng/bảng.

12. Đối với các nội dung chi khác không thuộc mức chi tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều này thì thực hiện theo khoản 3 Điều 5 Thông tư số 87/2025/TT-BTC.

Điều 3. Mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ đối với các hoạt động cấp xã

1. Chi tổ chức hội nghị

a) Chi tổ chức hội nghị: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

b) Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử, tùy theo địa bàn cụ thể để áp dụng: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Nghị quyết số 79/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định nội dung, mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Nghị quyết số 157/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2023.

2. Chi bồi dưỡng các cuộc họp

a) Các cuộc họp của Ủy ban bầu cử cấp xã, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã

- Chủ trì cuộc họp: 300.000 đồng/người/buổi.
- Thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.
- Các đối tượng phục vụ: 70.000 đồng/người/buổi.

b) Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử

- Chủ trì cuộc họp: 200.000 đồng/người/buổi.
- Thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.
- Các đối tượng phục vụ: 70.000 đồng/người/buổi.

3. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ủy ban bầu cử cấp xã, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã

Ngoài thanh toán chế độ công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

a) Trưởng đoàn giám sát: 200.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát

- Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát: 100.000 đồng/người/buổi.
- Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo): 100.000 đồng/người/buổi.

d) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát

- Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử: 2.000.000 đồng/báo cáo.

- Chính lý, hoàn chỉnh báo cáo: 700.000 đồng/báo cáo.

- Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: mức chi 100.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến không vượt 300.000 đồng/văn bản.

4. Chi xây dựng văn bản

a) Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật: thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã cụ thể hóa Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

b) Chi xây dựng văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh tại điểm a khoản này liên quan đến công tác bầu cử do Ủy ban bầu cử cấp xã, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã ban hành (nghị quyết; kế hoạch; chỉ thị; văn bản chỉ đạo, hướng dẫn; báo cáo tổng kết; biên bản tổng kết cuộc bầu cử):

- Xây dựng nghị quyết, kế hoạch, chỉ thị, văn bản chỉ đạo, báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết; biên bản tổng kết cuộc bầu cử: 1.000.000 đồng/văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).

- Xây dựng văn bản hướng dẫn, biên bản cuộc họp: 100.000 đồng/văn bản.

- Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: Mức chi 100.000 đồng/người/lần, tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 300.000 đồng/văn bản.

5. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử

a) Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:

- Chủ tịch, các Phó chủ tịch Ủy ban bầu cử cấp xã: 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên Ủy ban bầu cử cấp xã: 1.800.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: 1.800.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên Tổ bầu cử, Tiểu ban, Tổ giúp việc: 800.000 đồng/người/tháng.

- Thời gian được hưởng chế độ bồi dưỡng từ ngày có quyết định thành lập Ủy ban bầu cử cấp xã, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, Tổ bầu cử, Tiểu ban, Tổ giúp việc, văn bản cử phục vụ công tác bầu cử đến khi kết thúc nhiệm vụ (trường hợp có số ngày của tháng thực hiện nhiệm vụ từ 15 ngày trở lên thì tính một tháng, dưới 15 ngày thì được tính là ½ tháng). Trường hợp một

người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Bồi dưỡng các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tổ bầu cử, Tiểu ban, Tổ giúp việc): 200.000 đồng/người/ngày.

Thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày tính theo ngày thực hiện nhiệm vụ thực tế (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử).

Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức 3.000.000 đồng/tháng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Trong 02 ngày bầu cử (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Chi bồi dưỡng 300.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử

a) Chủ tịch, các Phó chủ tịch Ủy ban bầu cử cấp xã: 500.000 đồng/người/tháng.

b) Thành viên Ủy ban bầu cử cấp xã: 300.000 đồng/người/tháng.

c) Thành viên Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: 300.000 đồng/người/tháng.

d) Thành viên Tổ bầu cử: 200.000 đồng/người/tháng.

đ) Ngoài các đối tượng nêu trên, trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban bầu cử quyết định danh sách cán bộ tham gia phục vụ công tác bầu cử được chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động: 100.000 đồng/người/tháng.

e) Thời gian khoán hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử từ thời điểm có văn bản của cấp có thẩm quyền thành lập các tổ chức bầu cử tại địa phương có hiệu lực thi hành đến khi kết thúc nhiệm vụ theo quy định pháp luật (trường hợp có số ngày của tháng thực hiện nhiệm vụ từ 15 ngày trở lên thì tính một tháng, dưới 15 ngày thì được tính là $\frac{1}{2}$ tháng). Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cao nhất.

7. Khoán chi hỗ trợ cho các ứng cử viên

a) Khoán chi hỗ trợ cho người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã thực hiện lấy ý kiến nơi cư trú: 1.000.000 đồng/điểm (nhằm trang trải chi phí cần thiết như: trang trí, thuê địa điểm, nước uống, bảo vệ và các khoản chi

khác). Trường hợp nhiều người ứng cử cùng một điểm mức hỗ trợ tối đa 1.000.000 đồng/điểm. Danh sách điểm lấy ý kiến nơi cư trú thực hiện theo kế hoạch.

b) Khoản chi hỗ trợ cho người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã thực hiện tiếp xúc cử tri ở địa bàn được giới thiệu ứng cử: 2.000.000 đồng/điểm (nhằm trang trải chi phí cần thiết như: trang trí, thuê địa điểm, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác). Trường hợp nhiều người ứng cử cùng một điểm mức hỗ trợ tối đa 2.000.000 đồng/điểm. Danh sách điểm tiếp xúc cử tri thực hiện theo kế hoạch tiếp xúc cử tri của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

c) Trường hợp ứng cử viên đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã lấy ý kiến nơi cư trú, tiếp xúc cử tri (ứng cử viên nhiều cấp cùng lấy ý kiến nơi cư trú, tiếp xúc cử tri) ở cùng một địa bàn thì thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 2 của Nghị quyết này.

d) Tiền ăn ứng cử viên tiếp xúc cử tri: 100.000 đồng/người/buổi.

8. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử (thanh toán theo thực tế thực hiện nhiệm vụ)

a) Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân: 150.000 đồng/người/buổi.

b) Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi.

9. Chi đóng hòm phiếu: Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi 500.000 đồng/hòm phiếu.

10. Chi khắc dấu: Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 400.000 đồng/dấu (mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí).

11. Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử: Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi 1.500.000 đồng/bảng.

12. Đối với các nội dung chi khác không thuộc mức chi tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều này thì thực hiện theo khoản 3 Điều 5 Thông tư số 87/2025/TT-BTC.

Điều 4. Mức chi đối với các nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở cấp tỉnh

1. Chi hội nghị của Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh

a) Chi bồi dưỡng hội nghị

- Chủ trì cuộc họp: 500.000 đồng/người/buổi.

- Thành viên tham dự: 200.000 đồng/người/buổi.

- Các đối tượng phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Chi tiền nước uống hội nghị: 50.000 đồng/buổi/người.

c) Chi tiền tài liệu họp, chi phí khác (Băng Rol, trang trí, khánh tiết,...) theo thực tế phát sinh.

2. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh

Ngoài thanh toán chế độ công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

- a) Trưởng đoàn giám sát: 300.000 đồng/người/buổi.
- b) Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 200.000 đồng/người/buổi.
- c) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phục vụ đoàn
 - Phục vụ trực tiếp đoàn: 150.000 đồng/người/buổi.
 - Phục vụ gián tiếp đoàn (lái xe, bảo vệ lãnh đạo): 100.000 đồng/người/buổi.
- d) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh
 - Báo cáo tổng hợp của từng đoàn công tác: 5.000.000 đồng/báo cáo.
 - Báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát: 5.000.000 đồng/báo cáo.

3. Chi xây dựng văn bản của Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh (Quyết định, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, báo cáo chuyên đề, báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết): 3.000.000 đồng/văn bản.

4. Chi bồi dưỡng Thành viên, Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh

- a) Chi bồi dưỡng Trưởng Ban Chỉ đạo, Phó trưởng Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh: 3.300.000 đồng/tháng.
- b) Chi bồi dưỡng Thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh: 3.000.000 đồng/tháng.
- c) Chi bồi dưỡng Thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh: 2.700.000 đồng/tháng.

d) Thời gian được hưởng chế độ bồi dưỡng từ ngày có quyết định thành lập Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh, Tổ giúp việc đến khi kết thúc nhiệm vụ (trường hợp có số ngày của tháng thực hiện nhiệm vụ từ 15 ngày trở lên thì tính một tháng, dưới 15 ngày thì được tính là $\frac{1}{2}$ tháng). Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất.

5. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh (trường hợp có số ngày của tháng thực hiện nhiệm vụ từ 15 ngày trở lên thì tính một tháng, dưới 15 ngày thì được tính là $\frac{1}{2}$ tháng). Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cao nhất

- Trưởng Ban Chỉ đạo, Phó Trưởng ban, Thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử:

500.000 đồng/người/tháng.

- Tổ giúp việc: 300.000 đồng/người/tháng.

Điều 5. Mức chi đối với các nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở cấp xã

1. Chi hội nghị của Ban Chỉ đạo bầu cử cấp xã

a) Chi bồi dưỡng hội nghị

- Chủ trì cuộc họp: 300.000 đồng/người/buổi.

- Thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.

- Các đối tượng phục vụ: 70.000 đồng/người/buổi.

b) Chi tiền nước uống hội nghị: 50.000 đồng/buổi/người.

c) Chi tiền tài liệu họp, chi phí khác (Băng Rol, trang trí, khánh tiết,...) theo thực tế phát sinh.

2. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo bầu cử cấp xã

Ngoài thanh toán chế độ công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

a) Trưởng đoàn giám sát: 200.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 100.000 đồng/người/buổi.

c) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phục vụ đoàn

- Phục vụ trực tiếp đoàn: 100.000 đồng/người/buổi.

- Phục vụ gián tiếp đoàn (lái xe, bảo vệ lãnh đạo): 100.000 đồng/người/buổi.

d) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo bầu cử cấp xã.

- Báo cáo tổng hợp của từng đoàn công tác: 2.000.000 đồng/báo cáo.

- Báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát: 2.000.000 đồng/báo cáo.

3. Chi xây dựng văn bản của Ban Chỉ đạo bầu cử cấp xã (Quyết định, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, báo cáo chuyên đề, báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết): 1.000.000 đồng/văn bản.

4. Chi bồi dưỡng Thành viên, Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo bầu cử cấp xã

a) Chi bồi dưỡng Trưởng Ban Chỉ đạo, Phó trưởng Ban Chỉ đạo bầu cử cấp xã: 2.000.000 đồng/tháng.

b) Chi bồi dưỡng Thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử cấp xã: 1.800.000 đồng/tháng.

c) Chi bồi dưỡng Thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo bầu cử cấp xã: 1.500.000 đồng/tháng.

d) Thời gian được hưởng chế độ bồi dưỡng từ ngày có quyết định thành lập Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh, Tổ giúp việc đến khi kết thúc nhiệm vụ (trường hợp có số ngày của tháng thực hiện nhiệm vụ từ 15 ngày trở lên thì tính một tháng, dưới 15 ngày thì được tính là $\frac{1}{2}$ tháng). Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất.

5. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo bầu cử cấp xã (trường hợp có số ngày của tháng thực hiện nhiệm vụ từ 15 ngày trở lên thì tính một tháng, dưới 15 ngày thì được tính là $\frac{1}{2}$ tháng). Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất.

a) Trưởng Ban Chỉ đạo, Phó Trưởng ban, Thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử: 300.000 đồng/người/tháng.

b) Tổ giúp việc: 200.000 đồng/người/tháng.

6. Chi điều tra, lập danh sách cử tri: 1.500 đồng/cử tri.

7. Khoán chi hội nghị cử tri ở ấp, khóm, khu phố: 1.000.000 đồng/hội nghị.

8. Khoán chi hội nghị Hiệp thương của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã: 1.000.000 đồng/hội nghị.

9. Khoán chi hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri để vận động bầu cử (trang trí, nước uống,...): 1.000.000 đồng/điểm.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí phục vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 do ngân sách nhà nước đảm bảo từ nguồn chi thường xuyên (ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu và ngân sách địa phương).

2. Ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã theo nguyên tắc, tiêu thức phân bổ kinh phí bầu cử do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi lấy ý kiến Ủy ban bầu cử tỉnh.